

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HS-PT
Ngày 29-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, tại điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 46/2022/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2022/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp AT, xã ATh, huyện BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ họ tên) và bà Cao Thị Đ (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2022 cho đến nay; có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Mai Thành T là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre; có mặt tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Nguyễn Hoàng D (sinh năm 1989, ngụ ấp AT, xã ATh, huyện BT, tỉnh Bến Tre) là anh em bạn dì ruột. Nhà của T và D nằm liền kề và sử dụng chung sân nước vệ sinh. Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 27/5/2021, sau khi uống rượu bia Nguyễn Văn T đi ra sân nước gặp bà Cao Thị Tỷ - sinh năm 1967 (là mẹ

của Nguyễn Hoàng D và là dì ruột của Nguyễn Văn T) đang làm cá, T gây sự chửi bới bà Tỷ nên D đi ra nói với T "sao mỗi lần anh nhậu vào là anh chửi mẹ tôi hoài vậy" thì T lấy đoạn cây đánh D nhưng bị D xô ngã xuống đất. Tức giận, T đứng dậy đi về nhà lấy con dao thái lan qua nhà D quơ qua quơ lại trước mặt bà Tỷ và đâm con dao vào tủ lạnh của nhà D, được bà Tỷ can ngăn gỡ con dao lấy ném đi, còn D cũng khuyên T về nhà nghỉ rồi một lát D sẽ qua nói chuyện phải quấy. Khi T đi về nhà, anh Nguyễn Hoàng D đi qua nhà của T để nói chuyện thì T rút con dao trên vách tường chém D, D đưa tay phải lên đỡ trúng tay gây thương tích rồi bỏ chạy ra ngoài và được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 212-721/TgT ngày 14/7/2021, Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Nguyễn Hoàng D bị: Vết thương lóc da phức tạp mặt trước 1/3 dưới cẳng tay phải kích thước 15cm x 12cm, dập lóc da khoảng 10cm, vạt da lóc mỏng, cuốn mép, tái nhợt, dập - đứt mất đoạn bó mạch thần kinh trụ khoảng 05cm, đứt gân cơ gấp cổ tay trụ. Hiện vết thương lành sẹo kích thước 29cm x 0,6cm; bàn tay vuốt trụ: mất cảm giác ngón IV và V, vận động gấp - duỗi cổ tay còn hạn chế; điện cơ kiểm tra: Tổn thương hoàn toàn thần kinh trụ. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của bị hại Nguyễn Hoàng D là 37% và cơ chế hình thành thương tích do vật sắc nhọn gây ra.

Vật chứng tạm giữ: 01 (một) con dao dài 40cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 27cm có một cạnh bén, mũi dao bằng, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 07cm, nơi hẹp nhất của lưỡi dao là 1,5cm, trên lưỡi dao có dính nhiều vết màu nâu nghi máu, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 13cm, đường kính 3,5cm (chưa xử lý).

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2022/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm "Tội cố ý gây thương tích";

Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (năm) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2022.

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/4/2022 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại điểm cầu thành phần, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

- Tại điểm cầu trung tâm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án

như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 năm tù là tương xứng, kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2022. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: đơn kháng cáo của bị cáo có căn cứ, phù hợp luật định. Ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, thì bị cáo mặc dù không trực tiếp đến nhà bị hại nhưng đã tác động gia đình đến nhà bị hại để năn nỉ, xin lỗi và bồi thường thiệt hại cho bị hại nhưng bị hại không nhận; bà Cao Thị Ph là người trong gia đình bị cáo có đến Cơ quan Thi hành án để nộp tiền thi hành án cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ về bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 04 năm tù.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cải tạo tốt, sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở

xác định: vào khoảng 15 giờ ngày 27/5/2021, tại ấp AT, xã ATh, huyện BT, tỉnh Bến Tre, mặc dù không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém anh Nguyễn Hoàng D gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho anh D là 37%.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã vô cớ dùng dao là hung khí nguy hiểm chém gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 37%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân, hung khí gây án và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra trong khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm còn xem xét tình tiết bị cáo không có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn, đã xử phạt bị cáo 05 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù sau khi phạm tội bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên bị cáo có nhiều lần đến nhà bị hại đưa tiền để bồi thường thiệt hại nhưng bị hại vẫn không nhận, điều đó chứng tỏ việc bồi thường thiệt hại là không xảy ra nên không có cơ sở để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo, mà chỉ có cơ sở xem xét bị cáo có thiện chí bồi thường thiệt hại cho bị hại, ngoài ra bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Xét thấy bị cáo phạm tội có hai tình tiết định khung tăng nặng *dùng hung khí nguy hiểm* và *có tính chất côn đồ*, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, phạm tội có khung hình phạt tù từ 05

năm đến 10 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, đã xâm hại rất nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 05 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Người bào chữa đề nghị áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt xử phạt bị cáo 04 năm tù là không phù hợp, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: do bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2022/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (năm) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”;
Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2022.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Ba Tri (3b);
- VKSND huyện Ba Tri (1b);
- Công an huyện Ba Tri (1b);
- Bị cáo (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã ATh, h. BT (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Tôn Văn Thông